

# Cảm nghĩ về bài Văn Tế thập loại chúng sinh của thi hào Nguyễn Du

Tâm Nguyên

Ngoài tuyệt tác Truyện Kiều và nhiều bài thơ chữ Hán ra, Tiên Điền Nguyễn Du còn có một thi phẩm giá trị khác: đó là bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, một áng thơ nôm dài 184 câu theo thể song thất lục bát. Bài văn tế này đã không được nhiều người biết đến. Phải chăng, cái bề thế lớn lao của cây đại thụ Đoạn Trường Tân Thanh đã che khuất tất cả những cây khác mọc bên dưới tàng lá của nó?



## Cảm nghĩ nhân đọc bài Văn Tế

Một giai đoạn lịch sử rối ren của đất nước, trải dài trong gần 40 năm từ khi Nguyễn Du ra đời (1765) cho đến khi Vua Gia Long thống nhất đất nước (1802) với những cảnh tan nát về chính trị, sụp đổ về nhân tâm, suy đồi về đạo đức luân thường. Tất cả những hình ảnh thương tâm đó, sao mà giống khúc quanh lịch sử nước nhà thời kỳ 1945-1975 đến thế.

Hẳn nhiên cảnh là cảnh của thời đại Nguyễn Du sinh sống, giới hạn trong giai đoạn từ năm 1765 đến năm 1802. Song tình thì đích thực là tình của Nguyễn Du, mệnh mông bát ngát chẳng có ranh giới của thời gian và hạn lượng của không gian. Đó là tình thương yêu đồng loại, thương yêu con người ở mọi thời đại và ở mọi nơi trên quả đất này. Đó là tình thương người hoạn nạn, lỡ bước sa cơ chẳng

phân biệt trí ngu: từ kẻ đói khát lay lắt bỏ thân dọc bờ dọc bụi, đến kẻ vì danh vọng cá nhân nuôi tham vọng lớn, mong “*đem mình vào cướp ân nguyên nhung*” mà phải thất thế giữa trận tiền. Dù ở trên ngôi cao chín tầng như các ngôi Vua, Chúa, hoặc ở dưới bùn đen của thứ dân đói rách, thì con người vẫn có những nỗi khổ giống nhau: Sinh, Lão, Bệnh và Tử. Cái tâm trạng sợ chết, chán ghét chiến tranh ly loạn, đau lòng trước những đổ vỡ của thể thái nhân tình đâu phải chỉ thời đại Nguyễn Du mới có, chỉ ở nước Việt Nam mới có? Nhưng phải là một tâm hồn rung cảm tinh tế, phải có một tâm lượng từ bi rộng lớn mới cảm thông sâu sắc cái khổ truyền kiếp đó được. Có cảm thông sâu sắc mới phổ hiện thành những câu thơ chan chứa tình cảm chân thành, tràn đầy lòng xót thương bao la như xót thương cho cảnh ngộ của chính bản thân mình hoặc của người thân cận ruột thịt của mình.

❧ ❧ ❧

Cảnh chiến tranh gây tai họa cho số đông thành phần trai trẻ hai Miền, Nam cũng như Bắc, vào thời đại Nguyễn Du cũng như trong cuộc tranh chấp Quốc Cộng kéo dài từ 1945 đến 1975 khoảng 200 năm sau, được hiện ảnh rõ ràng trước mắt ta, qua các câu thơ:

.. “*Cũng có kẻ mắc vào khóa lính  
Bỏ cửa nhà gông gánh việc quan  
Nước khe cơm ống gian nan  
Dãi dầu nghìn dặm làm than một đời  
Buổi chiến trận mạng người như rác  
Phận đã đành đạn lạc tên rơi  
Lập lòe ngọn lửa ma trời  
Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương...*”

Giai đoạn lịch sử đặc biệt rối ren với nhiều cuộc đảo chính xảy ra ở Miền Nam từ 1963 đến

1967, hầu như đã được những câu Văn Tế sau đây làm sống lại:

*“Nào những kẻ tính đường kiêu hãnh  
Chí những chằm cướp gánh non sông  
Nói chi đương thuở thị hùng  
Tưởng khi thể khuất vận cùng mà đau  
Bỗng phút đầu đá bay ngói lở  
Khôn đem mình làm đứa sắt phu  
Giàu sang càng nặng oán thù  
Máu rơi lai láng, xương khô rã rời...”*

Ở Miền Bắc thì sao? Biết bao nhiêu thanh niên trai trẻ đã mù quáng hoặc bị bắt buộc phải hy sinh cho một chủ nghĩa phi nhân, xây dựng sự nghiệp và tạo danh vọng cho nhân vật thân tượng là Hồ Chí Minh (trước 1969) và sau đó là Lê Duẩn, chỉ vì bọn người này có nhiều mưu mô xảo quyệt, giỏi bịp bợm và có cả hệ thống tuyên truyền đánh bóng cho chúng.



Dẫu là Miền Bắc, Miền Nam hay bất cứ nơi nào trên quả đất này, ở đâu mà chẳng có lúc xảy ra những cảnh chiến tranh giặc giã, thúc

đẩy bởi tham vọng điên cuồng của cá nhân hay tập đoàn:

*“Nào những kẻ bài binh bố trận  
Dem mình vào cướp ấn nguyên nhung  
Gió mưa sấm sét đùng đùng  
Dãi thây trăm họ, làm công một người...”*

Tuy thời đại của tiên sinh hơn 200 năm về trước chẳng có những trại tù ‘cải tạo’ được xây dựng lên để đày đọa con người từ tinh thần đến thể xác như của Việt Cộng, nhưng những câu thơ sau đây phải chăng cũng đã tả cảnh những trại Đầm Đùn, Lý Bá Sơ, A30, Suối Máu, Bình Điền, Hà Nam Ninh... và hàng ngàn những cảnh đày đọa khác ở Việt nam hiện nay đối với những kẻ bị xem là ‘ngụy quân, ngụy quyền’:

*.. “Thương thay chân yếu tay mềm  
Càng năm càng héo càng đê càng rầu  
Nào những kẻ mũ cao áo rộng  
Ngồi bút son thác sống ở tay  
Kinh luân chắt một túi đầy  
Đêm đêm Quán Cát ngày ngày Y Chu  
Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm...”*

Có những chiến sĩ chống Cộng kiên cường đã không chấp nhận sự thua nhục trước bạo lực, nuôi chí lớn khôi phục lại đất nước như Kỹ sư Trần Văn Bá ở Miền Nam, như Giáo sư Nguyễn Nhuận và Tổng Châu Khang ở Huế, cuối cùng bị hành quyết một cách man rợ:

*“ .. Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc  
Quý không đầu van khóc đêm mưa  
Đã hay thành bại là cơ  
Mà u hồn biết bao giờ cho tan?..”*

hoặc bị giam hãm cho đến tàn hơi kiệt sức và chết thê thảm:

*.. “Cũng có kẻ mắc đoàn tù rạc  
Gửi mình vào chiếu rách một manh  
Nằm xương chôn rắp góc thành  
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi..”*

Đa số những người Quốc gia bị đày đọa trong cảnh đói khát, bệnh hoạn và đã bị chết chóc trong các trại tù Việt Cộng mở khắp núi

rừng trong ba miền Bắc Trung Nam, thì không phải là “*nắm xương chôn rấp góc thành*”, nhưng là:



.. “*Thảm thiết nhé không hương không khói  
Hồn ngẩn ngơ dòng suối ngàn sim..*”

hoặc là:

... “*Kẻ thân thích vắng sau vắng trước  
Biết lấy ai bát nước nén nhang  
Cô hồn thất thiếu dọc ngang  
Mang oan khiến nhé tìm đường hóa sinh..*”

Sau khi những vị có quyền cao chức trọng một thời bị bắt làm tù ‘cải tạo’, và sau những đợt triệt hạ tư sản mại bản ở Miền Nam, còn đâu nữa những cảnh lượ là hoa gấm của một thời đã qua:

“*Lâu ca, viện xưởng tan tàn còn đâu  
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước..*”

Sầy đàn tan ghé, đó hẳn là điều tất nhiên ! Sau khi Việt Cộng tiến chiếm Miền Nam, biết bao những cảnh ngộ thương tâm đã xảy đến cho các mệnh phụ, các tiểu thư khuê các. Chồng, cha của họ phút chốc không còn ở địa vị cao sang với nhiều bổng lộc như trước nữa. Những thân phận đàn bà này, chưa hề chuẩn bị để sống trong chế độ mới hà khắc- được điều hành bởi những kẻ mang nặng mặc cảm căm thù. Bởi vậy, địa vị của chồng cha càng cao lại càng bị hành hạ nhiều hơn, tù đày lâu hơn, áy bởi vì .. “*Thịnh mãn lắm oán thù càng lắm*”

Những người đàn bà đau khổ này cảm thấy rất ngỡ ngàng chẳng biết xoay trở kiếm sống ra

làm sao trong hoàn cảnh kinh tế và xã hội mọi mặt đều ngày càng tuột dốc thê thảm:



“ ..*Nào những kẻ màn lan trướng huệ  
Những cây mình cung quý Hằng Nga  
Một phen thay đổi sơn hà  
Mảnh thân chiếc lá biết là làm sao?..*”

Trong cảnh khốn cùng đó, tất nhiên làm sao tránh khỏi những điều thương tâm xảy đến cho một số tâm hồn yếu đuối:

“*Cũng có kẻ lờ làng một kiếp  
Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa..*”

Cuộc chiếm đóng Miền Nam của Việt Cộng kéo dài chẳng phải năm, bảy năm mà đến nay đã mấy chục năm qua, cho đến khi người con gái trở về già, sắc đẹp tàn úa thì:

.. “*Ngẩn ngơ khi trở về già  
Ai chồng con tá biết là cây ai?  
Sống đã chịu một đời phiền não  
Thác lại nhờ hóp cháo lá đa  
Đau đón thay phận đàn bà  
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu? ..*”

Phải! “*Biết là tại đâu?*” Câu hỏi muôn đời đó vẫn chưa ai giải đáp được thỏa đáng. Tại đâu nhỉ? Hoàn cảnh xã hội? Chiến tranh? Cộng sản? hay Trời? hay mệnh số? hay nghiệp dĩ?... Mỗi người mang theo cuộc sống mình những thắc mắc riêng tư, nên câu giải đáp tất cũng khác nhau. Chẳng ai giải đáp được cho ai. Cũng bởi vì: ... “*Mỗi người một nghiệp khác nhau..*”

Tuy nhiên, giữa những cái biệt nghiệp riêng lẻ và đa dạng vô cùng đó vẫn có chung nhau một mẫu số là ‘cộng nghiệp’ mang thân làm người. Con người biết sợ đau khổ, muốn sống an lạc, hạnh phúc và vẫn thường thắc mắc về sự hiện diện của mình trên cõi đời này, chẳng biết từ đâu sinh ra và chết rồi đi về đâu. Khổ, đúng vậy. Đó là chân lý hiển nhiên của kiếp làm người, của mọi chúng sinh mê muội. Tuy nhiên vùng vẫy cho lắm thì cũng không thoát ra ngoài bể khổ, như một thiền sư đời nhà Trần đã thốt lên:

*“Bể khổ mênh mông sóng ngút trời  
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi  
Thuyền ai ngược gió ai xuôi gió  
Lui tới cùng trong bể khổ thôi...”*

Nguyễn Du đã từng sống qua giai đoạn đau thương nhất của lịch sử đất nước đó, đã cảm thông sâu sắc nỗi khổ đó qua những cảnh xảy ra trước mắt mình. Từ những người ở trên ‘ngôi cao chín tầng’ như Vua Lê Duy Vĩ bị Chúa Trịnh Sâm giết chết, cho đến những kẻ thất phu, ngu dốt chỉ là binh lính, là dân lành. Tất cả đều bị quay cuồng, nung nấu trong cái lò cừ vĩ đại đó. Nó thiêu đốt tất cả chẳng chừa một ai. Chỉ có những người đã thực sự “biết” - cũng bởi vì: khôn cũng chết, dại cũng chết, biết mới sống - biết tất cả chỉ là một “trò chơi huyền hóa” của nghiệp quả đến thời kỳ phải trả, thì may ra mới thoát khỏi đau khổ triền miên của kiếp nhân sinh và được sống mãi mãi, vĩnh viễn. nếu không thế, thì rồi cũng trở thành những bóng ma u ám, đau khổ thảm thương:

*... “Sống đã chịu mọi điều thảm thiết  
Ruột héo khô dạ rét căm căm  
Dãi dầu trong bấy nhiêu năm  
Thần thờ dưới đất, ăn nằm trên sương  
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn  
Lặn mặt trời lặn thần tìm ra  
Lôi thôi bóng trẻ đất già...”*

Sau đại họa tháng 4. 1975, cùng với chính sách xua đuổi người Hoa ra khỏi Việt Nam - mà cao điểm đã xảy ra năm 1979 - hàng triệu người Việt đủ mọi sắc tộc đã liều thân bỏ nước

đi tìm Tự do - dù chỉ là thứ tự do tương đối và tạm bợ của kiếp nhân sinh - thì đau xót thay, chẳng thiếu gì những cảnh tượng thương tâm đã xảy ra cho họ. Đoạn văn tế sau đây đã làm gợi nhớ những cảnh vượt biển Đông đầy sóng gió và hiểm nguy, biết bao nhiêu người đã vùi thân trong lòng biển thẳm và làm mồi cho cá:

*.. “Cũng có kẻ vào ra sông bể  
Cánh buồm mây chạy xé gió Đông  
Gặp cơn giông tố giữa dòng  
Dem thân chôn rấp vào lòng kinh nghê..”*



Không thiếu những kẻ chưa trọn nỗi vui được bước chân lên miền đất Tự Do, sau đó vì mệnh số ngắn ngủi được chôn lấp qua loa trên hải đảo xa lạ, vĩnh viễn nằm ở đó mà nghe gió biển thổi vi vu bất tận, chẳng ai đoái hoài:

*“Bơ vơ góc biển bên trời  
Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao?  
Trời thăm thẳm mưa gào gió thét  
Khí âm huyền mờ mịt trước sau  
Ngàn cây nội cỏ rầu rầu..”*



Ảnh chị em trong đoàn cùng chia sẻ nỗi mất mát của anh Thức (hàng đầu, thứ tư từ trái), đồng thời cũng nói lời chúc mừng khi anh tìm lại được mộ người em xấu số trên bến bờ tự do.

Trong số những người Việt ty nạn chúng ta, tất không thiếu những kẻ phải lăn lộn với cuộc sống đến nỗi phải “nhịn ngủ bớt ăn” để “tính đường trí phú”, nhào theo bóng dáng hạnh phúc tạm bợ của thế gian. Cuộc sống của họ chỉ có mục đích duy nhất là làm giàu. Chẳng may, sự nghiệp nửa đường phút chốc tiêu tan vì nguyên nhân này hoặc nguyên nhân khác, ở một xã hội mà nền kinh tế còn lăm lăm bắt trặc, khi lên khi xuống như dòng thủy triều khi đầy khi vơi:

.. “Cũng có kẻ tính đường trí phú  
Làm tội mình nhịn ngủ bớt ăn  
Ruột rà không kể chí thân  
Dẫu làm nên nữa dành phần cho ai..?”

Nhưng đau khổ nhất vẫn là cái chết mà mọi người chẳng ai tự biết trước được khi nào nó đến với mình. Và để rồi:

..” Khi nằm xuống không người nhấc nhủ  
Của phù vân dù có như không  
Sống thời tiền của bạc rỗng  
Thác không đem được một đồng nào đi  
Khóc ma muốn thương gì hàng xóm...”

Song, tất cả cảnh khổ không kể xiết đó của những hồn ma, bóng quỷ rồi cũng sẽ được cứu độ, siêu sinh bất kể là kẻ gian ác hay người thiện tâm, tất cả đều sẽ được che chở, bao dung trong biển Từ Bi rộng lớn thể hiện qua lời cầu nguyện chí tâm, chí thành của tác giả:

... “Nhờ pháp Phật siêu sinh Tịnh Độ  
Bóng hào quang cứu khổ độ u  
Ráp hòa tử hải quần chu  
Não phiền trút sạch oán thù rửa không  
Nhờ Đức Phật thần thông quảng đại  
Chuyển pháp luân tam giới thập phương  
Nhơn nhờ Tiêu Diện Đại Vương  
Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh  
Nhờ Phật lực oai linh dũng mãnh  
Trong giấc mê khuya tỉnh chiêm bao..”

Tình thương sâu đậm và chân thành của tiên sinh đối với những hồn ma bóng quỷ thuộc

mọi hoàn cảnh thật đã quá mức thấm thiết chân tình qua những câu thơ:

.. “Ai đến đây dưới trên ngòi lại  
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu  
Phép thiêng biến ít thành nhiều  
Trên nhờ Tôn Giả chia đều chúng sinh  
Phật hữu tình từ bi phổ độ  
Chớ ngại rằng có có, không không..”

\* \* \*

Ở đây, chúng tôi không dám nhiều lời bàn về văn chương trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, nhưng tưởng cũng nên đưa ra đây vài nhận xét của các bậc tiền bối về văn chương của bài Văn Tế.

Nhà phê bình Ngô Tất Tố đã kết luận bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh này rằng: “Tuy là một thể tản bút nhưng lời văn cực kỳ trôi chảy và cũng nhiều đoạn đặc sắc. Nhất là mấy câu:

.. “Dãi dầu trong mấy mươi năm  
Thần thờ dưới đất ăn nằm trên sương  
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn  
Lặn mặt trời lặn thần tìm ra..”

Thật là ai oán não nùng, đọc lên có thể khiến cho người ta thấy cảnh khổ của các “u hồn”.

Theo Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục: “Lý trí phân biệt có, không, tình cảm chỉ biết cảm thông đồng điệu. Cái ý tưởng ấy đã được tình cảm và tưởng tượng phong phú nhiệt thành của tác giả làm cho hết sức linh động, thấm thía bằng những ảnh tượng phong phú và thấm thiết. Tác giả đã chọn thể song thất lục bát rất thích hợp để diễn tả ý tứ u hồn. Lời văn lưu loát trôi chảy, vần điệu êm ái dễ gây cảm tình”.

Ở một đoạn sau, Giáo Sư viết: “Bài này còn chứng tỏ khuynh hướng vạn hữu thân, vạn linh của tác giả đã tìm cách tiến hoá vào tín ngưỡng tâm linh của ngành Tịnh Độ trong Phật Giáo, lấy tình yêu Từ Bi Hy xả để tế độ chúng

*sinh một cách tích cực và để cảm thông với sự vật hơn là dùng trí thức để biện biệt sự vật, có hay không có.”*

Về phần tác giả bài này, càng đọc lại bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh thì càng không khỏi có những cảm xúc ngậm ngùi. Một phần bởi vì những cảnh những tình nêu lên trong bài Văn Tế có tính cách u ám, như kêu linh gọi hồn, đưa tâm thức người đọc trở về những cảnh giới u linh ghê rợn và xót xa. Sự lặp đi lặp lại những câu: .. *“nào những kẻ..”* như là tiếng kêu gọi, điếm danh, liệt kê ra thứ lớp những cái chết khác nhau, những oan khiên mà kiếp nhân sinh phải gánh chịu trong thời ly loạn.



Chẳng những thế, bài Văn Tế còn gọi lên hình ảnh của cái khổ chung của mọi thời đại: cái chết. Nó không chừa một ai. Từ những kẻ: *“mũ cao áo rộng, kẻ màng lan trướng huệ”* cho đến kẻ *“mắc vào khóa lính, kẻ nằm cầu gối đất, người sầy cối sa cây..”* Người già cũng như người trẻ, đàn ông cũng như đàn bà. Ngay cả những đứa *“tiểu nhi tám bé, lỗi giờ sinh..”* vừa mới sinh ra cũng đã phải lià đời.

Nói tóm, những khổ cảnh chết chóc nêu ra trong Văn Tế là những nét chung của kiếp làm người, bởi vậy thời đại nào cũng có thể cảm thông được. Đặc biệt, thời đại loạn ly thì càng nổi bật những đau khổ đó nhiều hơn, dồn dập hơn, tàn bạo và bất ngờ hơn, nên sự cảm thông tất nhiên cũng sâu đậm hơn.

Với tâm hồn của một nghệ sĩ lớn, một đại thi hào, đa tình đa cảm mà phải chứng kiến những cảnh khổ cùng cực trong buổi loạn ly như trên, làm sao thi hào Nguyễn Du không thốt lên cho được: *“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng..”* (Truyện Kiều).

Cũng với tâm hồn đa cảm cùng cực đó, Nguyễn Du tiên sinh đã sống hoà mình trong cái đau khổ chung của hoàn cảnh xã hội nhiều nhương thời đó, và tiên sinh đã nói lên trung thực tiếng nói bi thương của những người cùng cảnh ngộ, tan nhà nát cửa, của những kẻ bơ vơ vì ly loạn, những kẻ thất thế trên đường danh lợi vì biến đổi của thời cuộc, của thế cờ chính trị bấp bênh, của vận nước đen tối trong bối cảnh Chúa lẫn quyền Vua. Từ Vua Lê, Hoàng hậu cho đến các Thái tử giàu sang phú quý tột cùng. Từ cung phi mỹ nữ, suốt đời sống trong lầu son gác tía chẳng biết đau khổ là gì đến những kẻ quyền uy của Tướng Phủ, lần lượt được đưa lên để rồi bị lật nhào xuống một cách nhục nhã. Tất cả những cảnh đó không khỏi làm chúng ta nhớ lại thời kỳ đen tối mà chúng ta đã sống qua trong những năm từ 1945 đến 1975, hay thu ngắn hơn một mức nữa là 1963-1975 với những cảnh lên voi xuống chó trên chính trường Miền Nam nước Việt, với biết bao cuộc đảo chính rồi chính lý, với biết bao tai ương nghiệp chướng đổ lên đầu lên cổ người dân Miền Nam cũng như Miền Bắc do cuộc chiến tương tàn Quốc Cộng kéo dài đến 30 năm. Sự kết thúc bi thảm đã xây đến như dự đoán, theo sau sự sụp đổ của chế độ Miền Nam.

Mặt khác, chắc chắn bài Văn Tế vẫn giữ được sức truyền cảm từ thế hệ Tiên Điền Nguyễn Du đến tận ngày nay và âm vang còn lan truyền mãi về sau. Cho tới chừng nào nhân loại hết khổ. Cho tới chừng nào kiếp nhân sinh không còn có:

.. *“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng..”*

***Ghi Chú của BPT: Những hình ảnh minh họa lấy từ Internet.***